TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 82/2018/HNGĐ - ST Ngày: 10 - 7- 2018 V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hưng

Bà Nguyễn Thị Bạn

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 83/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H'D (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn K, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật của bà H'D: Chị H'N, sinh năm: 1994(có mặt)

Địa chỉ: Buôn K, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Ông Y B (Có mặt)

Địa chỉ: Buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn bà H'D là chị H'N trình bày:

Bà H'D là người bị mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự số: 02/2018/QĐST - DS ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Ông Y B và bà H'D tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, sống chung từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã C, thành phố B vào ngày 13/10/1994.

Trong thời gian chung sống, đến năm 2004 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tâm thần bà H'D không ổn định và ông Y B có hành vi bạo lực đối với bà H'D. Mâu thuẫn trầm trọng nên đến năm 2007 ông Y B và bà H'D sống ly thân, không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay với tư cách là người giám hộ đương nhiên của bà H'D, chị H'N yêu cầu Tòa án cho bà H'D được ly hôn với ông Y B.

Trong thời gian sống chung, ông Y B và bà H'D có 6 con chung là:

- H'N, sinh năm 1994
- Y M, sinh năm 1997
- Y E, sinh ngày 13/5/1999
- H'J, sinh ngày 25/8/2001
- H'Y, sinh ngày 13/8/2005
- H'Đ, sinh ngày 02/02/2007

Từ khi ông Y B và bà H'D ly thân đến nay thì các con chung ở với bà H'D, do bà H'D bị tâm thần phân liệt, mất năng lực hành vi dân sự nên các con chung do H'N và dì ruột H'G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay Tòa án giải quyết ly hôn thì nguyện vọng của H'N là H'N, Y M, Y E đã thành niên nên việc ở với ai là quyền của các con chung. Các con chung H'J, H'Y, H'Đ, giao cho ông Y Bi Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà H'D bị mất năng lực hành vi dân sự nên bà H'D do con cả là H'N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho bà H'D và các con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn ông Y Btrình bày:

Việc ông Y B và bà H'D tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố B vào ngày 13/10/1994 và có sáu con chung là đúng.

Sống chung hạnh phúc một thời gian thì đến 2004 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H'D hay ghen tuông, cãi vã, tâm thần không ổn định. Mâu thuẫn trầm trọng nên đến năm 2007 vợ chồng ly thân, không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay ông chấp nhận ly hôn với bà H'D.

Trong thời gian sống chung, ông và bà H'D có 6 con chung là:

- H'N, sinh năm 1994
- Y M, sinh năm 1997
- Y E, sinh ngày 13/5/1999
- H'J, sinh ngày 25/8/2001

- H'Y, sinh ngày 13/8/2005

- H'Đ, sinh ngày 02/02/2007

Từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì các con chung ở với bà H'D. Nay Tòa án giải quyết ly hôn thì nguyện vọng của ông xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung H'J, sinh ngày 25/8/2001, H'Y, sinh ngày 13/8/2005, H'Đ, sinh ngày 02/02/2007 còn các con chung: H'N, sinh năm 1994, Y M, sinh năm 1997, Y E, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên việc ở với ai là quyền của các cháu. Do bà H'D bị mất năng lực hành vi dân sự nên bà H'D do con cả là chị H'N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho bà H'D và các con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đương sự có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo trình tự của BLTTDS, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

-*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H'N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H'D được ly hôn ông Y B;

Về con chung: H'N, sinh năm 1994, Y M, sinh năm 1997, Y E, sinh ngày 13/5/1999 đã thành niên, nên việc ở với ai là quyền của các cháu.

Giao các con chung: H'J, sinh ngày 25/8/2001, H'Y, sinh ngày 13/8/2005, H'Đ, sinh ngày 02/02/2007 cho ông Y B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Bà H'D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Do bà H'D bị mất năng lực hành vi dân sự nên bà H'D do con cả là chị H'N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi bà H'D: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

Về chia tài sản: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Y B cư trú tại xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà H'D đã bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 02/2018/QĐST - DS ngày 18/01/2018. Theo quy định tại Điều 22, Điều 53, Điều 136 của Bộ luật dân sự thì người giám hộ đương nhiên của bà H'D là chị H'N, do đó chị H'N tham gia tố tụng với tư cách là đại diện theo pháp luật của bà H'D.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn bà H'D là chị H'N yêu cầu cho bà H'Dđược ly hôn ông Y B, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H'D và ông Y B tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 13/10/1994 là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ .

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cả người giám hộ của nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận trong thời gian sống chung ông Y B và bà H'D có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, bà H'D bị bệnh tâm thần và ông Y B đã có hành vi đánh đập đối với bà H'D, từ năm 2007 vợ chồng đã sống ly thân nhưng mâu thuẫn vẫn không khắc phục được, nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng nên người giám hộ của bà H'D là chị H'N yêu cầu cho bà H'D được ly hôn ông Y B, ông Y B cũng đồng ý ly hôn với bà H'D.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Ông Y B và bà H'D có đăng ký kết hôn và sinh sống với nhau tại Buôn K, xã C, thành phố B, trong thời gian chung sống vợ chồng Y B và bà H'D có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, tinh thần của bà H'D không ổn định, hay cáu gắt chồng con nên có việc ông Y B đánh đập bà H'D, mặc dù đã được chính quyền địa phương động viên hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Năm 2007, ông Y B bỏ đi sống ở nơi khác cho đến nay, vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Bà H'D bị mắc bệnh tâm thần và được gia đình đưa đi điều trị.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình duy trì hôn nhân ông Y B và bà H’D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, và có bạo lực gia đình chính quyền địa phương hòa giải, can thiệp nhưng vẫn không khắc phục được, từ năm 2007 vợ chồng sống ly thân đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn người giám hộ của bà H'D là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Người giám hộ đương nhiên của bà H'D là chị H'N tự nguyện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc bà H'D và không yêu cầu ông Y B cấp dưỡng nuôi bà H'D.

-Về con chung: ông Y B và bà H'D có 06 con chung là H'N, sinh năm 1994; Y M, sinh năm 1997; Y E, sinh ngày 13/5/1999; H'J, sinh ngày 25/8/2001; H'Y, sinh ngày 13/8/2005; H'Đ, sinh ngày 02/02/2007.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị H'N và ông Y B thống nhất giao các con chung H'J; H'Y; H'Đ cho ông Y B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng còn H'N, Y M, Y E đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận của ông Y B và chị H'N là phù hợp với nguyện vọng của các con chung, hơn nữa bà H'D bị mất năng lực hành vi dân sự nên để đảm bảo quyền lợi của các con chung cần giao các con chung chưa thành niên là H'J, H'Y, H'Đ cho ông Y B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. H'N, Y M, Y E đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết. Bà H'D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung : Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết .

[3] Về án phí: Chị H'N và bà H'D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 22, Điều 53, Điều 136 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H'N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H'D được ly hôn với ông Y B.

Về nuôi con chung: Giao các con chung là H'J, sinh ngày 25/8/2001; H'Y, sinh ngày 13/8/2005; H'Đ, sinh ngày 02/02/2007 cho ông Y B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Các con chung: H'N, sinh năm 1994; Y M, sinh năm 1997; Y E, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên việc ở với ai là quyền của các cháu, Tòa án không xem xét giải quyết.

Bà H'D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về việc nuôi dưỡng bà H'D: Chị H'N tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng bà H'D**.**

Về cấp dưỡng nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi bà H'D: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H'N và bà H D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà H D được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí chị H'N đã nộp thay cho bà H'D theo biên lai thu số AA/2017/0003334 ngày 13/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, Đắk Lắk.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.B
- UBND xã C;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt